

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2024/DS - ST  
Ngày 11 tháng 12 năm 2024  
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
2. Ông Nguyễn Bá Lý

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2024/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 về “***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1966; địa chỉ: Hẻm 63/93 đường T, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt
2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim T1, sinh năm 1974 và ông Trần Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 12, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà T1 có mặt, ông C vắng mặt
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đoàn Việt V, sinh năm 1963; địa chỉ: Hẻm 63/93 đường T, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:***

Do có quan hệ thân thích, ngày 26 tháng 9 năm 2021 bà và chồng là ông Đoàn Việt V đã cho vợ chồng bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận. Khi vay, bà T1 và ông C cam kết trong thời hạn 01 năm sẽ hoàn trả cả gốc và lãi đồng thời viết Giấy mượn tiền, ký tên xác nhận và giao cho vợ chồng bà giữ. Tuy nhiên, đến nay bà Thủy và ông Công vẫn chưa trả tiền nợ gốc, tiền lãi

cũng chỉ đưa được vài tháng mặc dù vợ chồng bà đã nhiều lần đến nhà, gọi điện yêu cầu vợ chồng bà T1, ông C hoàn trả tiền nợ. Để đảm bảo quyền lợi, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết, buộc vợ chồng bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C trả cho bà và ông Đoàn Việt V một lần số tiền nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

**Theo Bản tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2024, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Kim T1 trình bày:**

Do cần tiền xây nhà trọ cho thuê, ngày 26 tháng 9 năm 2021 dương lịch nhằm ngày 20 tháng 8 năm 2021 âm lịch bà đã vay của chị ruột là bà Phạm Thị Kim T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi trả 2.000.000 đồng/tháng. Do hai vợ chồng cùng vay nên bà T yêu cầu chồng bà ông Trần Văn C cũng phải ký giấy nợ. Vì vậy, sau khi viết Giấy mượn tiền ngày 26 tháng 9 năm 2021, bà đã đưa cho ông C cùng ký và ghi rõ họ tên trên giấy nợ. Quá trình vay mượn, vợ chồng bà luôn trả lãi đầy đủ cho đến khi biết bà T khởi kiện mới dừng việc trả lãi. Khi bà Phạm Thị Kim T và ông Đoàn Việt V yêu cầu vợ chồng bà phải trả một lần số tiền nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà đồng ý thanh toán bằng cách bán nhà trọ nhưng đến nay chưa bán được nên mới chậm trễ trong việc trả nợ cho bà T, ông V. Hiện tại, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng bà đề nghị trả dần số nợ 100.000.000 (một trăm triệu) đồng cho bà Phạm Thị Kim T và ông Đoàn Việt V, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

**Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt nhưng theo Đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ngày 25 tháng 11 năm 2024, ý kiến của ông Công như sau:** Ông thống nhất theo nội dung trình bày, ý kiến của vợ là bà Phạm Thị Kim T1 đồng thời đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

**Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Việt V trình bày:** Ông thống nhất theo nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện của vợ là bà Phạm Thị Kim T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quá thời hạn 01 (một) năm kể từ thời điểm vay ngày 26 tháng 9 năm 2021 bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi theo cam kết nên bà Phạm Thị Kim T đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Giấy mượn tiền ngày 26 tháng 9 năm 2021 nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự cụ thể là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Văn C.

[2] Theo nội dung trình bày của các đương sự, bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C thừa nhận đã vay tiền và hiện còn nợ bà Phạm Thị Kim T và ông Đoàn Việt V số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Theo đó, yêu cầu khởi kiện của bà T có cơ sở cần chấp nhận.

Các đương sự đều thống nhất Giấy mượn tiền ngày 26 tháng 9 năm 2024 là văn bản duy nhất ghi nhận thỏa thuận vay mượn của các bên. Trên văn bản này thể hiện thời hạn vay là 01 năm, lãi suất thỏa thuận nên đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi. Theo quy định của khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*” cùng với đề nghị trả dần, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ của bà T1, ông C không được bà T, ông V chấp nhận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phương án trả dần theo yêu cầu của bà Thủy.

[3] Bà Phạm Thị Kim T không yêu cầu tính lãi đối với nợ gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tiền lãi.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C nợ tiền vay của bà Phạm Thị Kim T và ông Đoàn Việt V, bà T1, ông C1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc bà T1 và ông C trả cho bà T và ông V số tiền **100.000.000 (một trăm triệu) đồng**.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phạm Thị Kim T được chấp nhận nên bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C phải chịu án phí

$100.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.000.000 \text{ (năm triệu) đồng}$

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C thanh toán nợ vay.

Buộc bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C trả cho bà Phạm Thị Kim T và ông Đoàn Việt V số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Phạm Thị Kim T1 và ông Trần Văn C phải chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000664 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký  
Võ Thị Thanh Thúy

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

